

Bản án số: 06/2022/HS-ST

Ngày 18/3/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Yên

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Nguyên Đăng

Ông Nguyễn Đức Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Trang -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Ông Lê Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 05/2022/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Quốc H, sinh năm 1991 tại tỉnh Hải Dương; Nơi ĐKKHKT: Khu dân cư H, phường S, TP C, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Huy G, sinh năm 1971 và bà Lê Thị M, sinh năm 1970; có vợ là Đặng Thị Thu N (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt theo lệnh truy nã, tạm giữ từ 07/11/2021, chuyển tạm giam từ ngày 08/11/2021 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo:

+ Ông Phan Ngọc N – Luật sư Công ty luật TNHH P, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hải Dương; địa chỉ: Số 332 V, phường H, thành phố D, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

+ Ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Đại A – Luật sư Công ty Luật TNHH GANCI, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; địa chỉ: Phòng 3110 tòa nhà Anh Bình Plaza, số 97 B, phường M, quận L, thành phố Hà Nội. (Luật sư T vắng mặt; luật sư A có mặt)

- Bị hại: Chị Phạm Thị Q, sinh năm 1986; địa chỉ: Số 06 đường T, phường B, thành phố D, tỉnh Hải Dương. (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng TMCP V; địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và tầng 2 tòa nhà Sailing Tower, số 111A P, phường N, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V- Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Xuân G- Phòng xử lý nợ V (Có mặt).

- *Người làm chứng:* Anh Nguyễn Hoài S, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 06 đường T, phường B, thành phố D, tỉnh Hải Dương. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 13/11/2019, Trần Quốc H đến nhà ở của gia đình chị Phạm Thị Q, sinh năm 1986, ở số nhà 44 đường A, phường H, TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương đặt vấn đề thuê xe ô tô làm phương tiện đi lại. Hai bên thỏa thuận, chị Q cho H thuê xe ô tô nhãn hiệu KIACERATO, màu đỏ, biển kiểm soát: 34A-242.85 trong thời hạn 03 ngày (kể từ 21 giờ ngày 13 đến 21 giờ ngày 16/11/2019), với giá thuê là 1.000.000 đồng/01 ngày. Chị Q soạn thảo hợp đồng cho thuê xe ô tô, hai bên cùng ký; H đặt cọc cho chị Q số tiền 20.000.000 đồng và để lại giấy tờ tùy thân bao gồm: 01 bản photo thẻ căn cước công dân, 01 bản photo giấy phép lái xe ô tô và 01 bản photo công chứng sổ hộ khẩu của H. Chị Q giao cho H xe ô tô và các giấy tờ của xe gồm: giấy thông hành xe ô tô của Ngân hàng V, giấy chứng nhận đăng kiểm xe ô tô, giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc. Sau khi thuê ô tô, H sử dụng làm phương tiện đi lại, đến ngày 14/11/2019, H nảy sinh ý định cầm cố xe ô tô của chị Q lấy tiền chi tiêu cá nhân. H đã mạng xã hội Facebook tìm người nhận cầm cố xe ô tô không giấy tờ và được một người đàn ông không rõ nhân thân, lai lịch cho H số điện thoại (H không nhớ số), hai người kết bạn qua mạng xã hội Zalo để giao dịch cầm cố ô tô vay tiền. Khoảng 20 giờ ngày 14/11/2019, H điều khiển xe ô tô biển kiểm soát: 34A-242.85 đến đoạn đường thuộc quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội (H không rõ địa điểm cụ thể), gặp người đàn ông trên. Hai bên thỏa thuận H cầm cố xe ô tô cho người đàn ông để vay số tiền 180.000.000 đồng, trong thời hạn 20 ngày, lãi suất là 20.000 đồng/01 triệu/1 ngày, người đàn ông nhận xe ô tô cùng các giấy tờ liên quan và giao cho H số tiền 144.000.000đ (trừ ngay tiền lãi 36.000.000đ). Sau khi nhận tiền, H sử dụng chi tiêu cá nhân, không có khả năng chuộc lại xe trả cho chị Q, đến ngày 16/11/2021 hết thời hạn thuê xe ô tô, chị Q liên lạc với H yêu cầu H trả ô tô thì H đã tắt máy điện thoại và bỏ trốn. Ngày 26/01/2021 Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hải Dương ra lệnh truy nã đối với H. Ngày

06/11/2021, Cơ quan CSĐT Công an phát hiện, bắt giữ H theo lệnh truy nã tại thị trấn U, huyện T, tỉnh Lai Châu.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 3076/KL-HĐĐG ngày 15/10/2020, Hội đồng định giá tài sản tỉnh Hải Dương kết luận: Giá trị chiếc xe ô tô nhãn hiệu KIA CERATO, BKS 34A-242.85 tại thời điểm tháng 11/2019 là 533.000.000 đồng (Năm trăm ba mươi ba triệu đồng).

Tại bản Kết luận giám định số 82/KLGĐ ngày 20/10/2020, Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Hải Dương kết luận:

- Chữ viết tại các dòng số: 5, 10, 11, 12, 13 trên tài liệu cần giám định (Hợp đồng thuê xe) với chữ viết đứng tên Trần Quốc H trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ra;

- Không đủ cơ sở kết luận chữ viết tại các dòng số: 16, 17, 18, 19, 21, 22 với chữ viết đứng tên Trần Quốc H trên tài liệu mẫu so sánh có phải do cùng một người viết ra hay không;

- Chữ ký dạng chữ viết đứng tên Trần Quốc H trên tài liệu cần giám định với chữ ký cùng tên trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký ra.

Tại Cáo trạng số 09/CT-VKS-P1 ngày 21/01/2022, Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tỉnh Hải Dương truy tố Trần Quốc H về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tại phiên tòa:

- Bị cáo Trần Quốc H khai toàn bộ hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện đúng như bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo rất ăn năn, hối hận về hành vi đã thực hiện nên đã nhắn gia đình bồi thường một phần cho bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) xem xét điều kiện, hoàn cảnh gia đình, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phan Ngọc N và Luật sư Nguyễn Đại A trình bày: Nhất trí với truy tố của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều khoản và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Luật sư N đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “Phạm tội lần đầu” tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS, Luật sư A đề nghị áp dụng Điều 3, Điều 54 BLHS và đề nghị HĐXX xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xử bị cáo mức án 06 năm tù là phù hợp.

- Bị hại chị Phạm Thị Q trình bày: Xe ô tô chị cho bị cáo H thuê, sau đó chiếm đoạt là xe của riêng chị Q. Bị hại đề nghị phải làm rõ người mua xe của bị cáo H để thu xe trả lại cho chị. Do chưa thu được xe, chị Q yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường cho chị giá trị xe đã chiếm đoạt.

- Đại diện V: Xác định xe bị cáo H chiếm đoạt là xe chị Q đã thế chấp tại V để bảo đảm cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng. Đề nghị chị Q phải tắt

toán khoản nợ cho ngân hàng và khi nào tìm được xe thì bàn giao lại cho ngân hàng để xử lý khoản nợ theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp của chị Q tại Ngân hàng V.

- Người làm chứng anh Nguyễn Hoài S trình bày: Anh là chồng chị Phạm Thị Q, xe ô tô bị cáo H chiếm đoạt là tài sản riêng của chị Q. Bị cáo H cùng hai người đã đến nhà anh thuê xe ô tô hai hoặc ba lần. Anh đề nghị làm rõ hai người đi cùng H đồng phạm với H chiếm đoạt xe của chị Q. Anh không biết hai người đi cùng H là ai, ở đâu.

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương sau khi phân tích các tình tiết vụ án, giữ nguyên quan điểm như đã truy tố, đề nghị HĐXX: Tuyên bố bị cáo Trần Quốc H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; áp dụng khoản 4 Điều 175, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 54 BLHS; xử phạt bị cáo H từ 10-11 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 07/11/2021; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với H; Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 46,48 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự: Buộc H bồi thường cho chị Q số tiền 533 triệu đồng (trừ đi số tiền bị cáo đã bồi thường 87 triệu đồng), còn phải bồi thường số tiền 446 triệu đồng. Về án phí: H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên và người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và luật sư đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa cơ bản phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định, kết luận định giá cùng những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ, ngày 13/11/2019, Trần Quốc H thuê xe ô tô nhãn hiệu KIACERATO, biển kiểm soát: 34A-242.85, trị giá 533.000.000 đồng của chị Phạm Thị Q, sinh năm 1986, ở số nhà 84 đường A, phường H, thành phố D, tỉnh Hải Dương trong thời hạn 03 ngày, giá thuê là 1.000.000 đồng/01 ngày để sử dụng làm phương tiện đi lại. Đến ngày 14/11/2019, H cầm cố xe ô tô của chị Q cho người đàn ông không rõ nhân thân,

lai lịch tại quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội lấy số tiền 144.000.000 đồng sử dụng chi tiêu cá nhân, không chuộc ô tô trả lại cho chị Q và bỏ trốn.

Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Sau khi thuê được xe của chị Q để đi lại, vì muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe ô tô nhãn hiệu KIACERATO của chị Q (trị giá 533 triệu đồng) mang đi cầm cố để nhận số tiền 144 triệu đồng. Do đó hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 4 Điều 175 BLHS. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo như tại cáo trạng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, không phải chịu tình tiết nào tăng nặng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, đã tác động để gia đình bồi thường 70 triệu đồng cho chị Q. Nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Đối với ý kiến của người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng xét hành vi của bị cáo thuộc loại tội phạm đặc biệt nghiêm trọng nên không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về hình phạt chính: Hành vi của H đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên xem xét bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, đã tác động đến gia đình để bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại thể hiện sự ăn năn hối cải của bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS nên HĐXX áp dụng Điều 54 BLHS xử bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, cũng đủ tác dụng giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội đồng thời thể hiện sự nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

[5].Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản riêng, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6].Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 BLHS, Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự: Giá trị chiếc xe ô tô theo định giá là 533.000.000đ, khi thuê xe bị cáo đã đặt cọc 20.000.000đ trừ tiền thuê xe trong 3 ngày là 3.000.000đ, bị cáo đã bồi thường được 70.000.000 đồng, do chưa thu hồi được xe nên buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bị hại: 533.000.000đ - 17.000.000đ - 70.000.000đ = 446.000.000đ (Bốn trăm bốn mươi sáu triệu đồng).

[7]Về xử lý vật chứng: Trong vụ án này không thu giữ được vật chứng gì nên không phải xem xét, giải quyết.

[8]Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9].Các vấn đề khác:

Theo lời khai của bị cáo H khai bị cáo cầm cố xe ô tô cho một người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ tại thành phố Hà Nội, quá trình giao dịch cầm cố xe ô tô, bị cáo không được người nhận cầm cố xe ô tô trao đổi về nhân thân, lai lịch; bị cáo không nhớ số điện thoại sử dụng cài đặt mạng xã hội Zalo để liên lạc khi giao dịch cầm cố xe ô tô nên không khai thác được thông tin về người nhận cầm cố xe ô tô để xem xét, xử lý theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bị hại cung cấp thông tin của người liên quan đến chuyển khoản khi nhận cầm cố xe, nhưng không có tài liệu chứng cứ nào khác để làm rõ. Khi có thông tin liên quan đến xe bị cáo H chiếm đoạt, chị Q có quyền đề nghị đến các cơ quan chức năng để tiếp tục điều tra, xử lý xe ô tô theo quy định.

Đối với chiếc điện thoại bị cáo sử dụng để liên lạc bán xe ô tô cho người cầm cố không thu hồi được và bị cáo không nhớ số điện thoại nên không có căn cứ để xác minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Quốc H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

2. Về áp dụng pháp luật: Căn cứ khoản 4 Điều 175, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

3. Hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Trần Quốc H 10 (Mười) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 07/11/2021.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 46, 48 BLHS, Điều 584, 585, 586, 589, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Buộc Trần Quốc H có trách nhiệm bồi thường cho chị Phạm Thị Q số tiền 533.000.000 đồng; trừ đi số tiền 17.000.000 đồng bị cáo đặt cọc khi thuê xe, bị cáo tự nguyện nộp trước 50.000.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0000660 ngày 08/3/2022; và 20.000.000 đồng theo biên lai thu số AA/2021/0000663 ngày 16/3/2022 (do ông Lương Xuân V nộp thay H) tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương; bị cáo tiếp tục bồi thường cho chị Q số tiền còn lại là 446.000.000 đồng (Bốn trăm, bốn mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành các khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Trần Quốc H phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 21.840.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- CQCSĐT, CQTHAHS - CA tỉnh HD;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, lưu tòa.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Vũ Thị Yến